

Dòng nữ tu Thánh Phaolô thành Chartres và một thời kì ở Việt Nam (1858-1954)

NGUYỄN THU HÀNG^(*)

Thành công của thời kì truyền giáo 1858 - 1954 tại Việt Nam có sự đóng góp rất lớn của các nữ tu Công giáo. Một trong những dòng nữ có mặt sớm nhất ở Việt Nam và còn tồn tại, phát triển cho đến ngày nay là Dòng nữ tu Thánh Phaolô thành Chartres. Cùng với hai dòng nữ tu gốc Pháp khác là Dòng kín Carmel và Dòng Thánh Vinh Sơn Phaolô, các nữ tu Phaolô thành Chartres có mặt hầu như ngay sau khi Pháp xâm lược Việt Nam, hoạt động tích cực và thành công trên nhiều phương diện, đặc biệt là giáo dục và bệnh viện. Các nữ tu và hoạt động của họ chính là khuôn mặt thứ hai của Công giáo Việt Nam thời kì này.

I. VÀI NÉT VỀ LỊCH SỬ DÒNG NỮ TU THÁNH PHAOLÔ THÀNH CHARTRES TRÊN ĐẤT PHÁP VÀ CÁC XỨ TRUYỀN GIÁO

Người sáng lập Dòng nữ tu Thánh Phaolô thành Chartres là tu sĩ Louis Chauvet, sinh năm 1664 tại vùng Perthuis miền Provence nam nước Pháp. Ông từng giữ chức Linh mục quản xứ Champrond - en - Gâtine trong một vài năm. Thuộc số các giáo sĩ được đào tạo kĩ càng bởi các nhà thần học cải cách như Jean Eudes, Vincent de Paul hay

Francois Regis, bản tính thẳng thắn, nhiệt tình, mang tư tưởng thần bí và rất năng động, ông là một trong số những nhà truyền giáo đầy nhiệt huyết thời đó.

Năm 1694, Louis Chauvet được phong chức Cha quản xứ Levesville - la-Chenard ở về phía tây - nam thành Chartres.

Hai năm sau khi đến Levesville, Louis Chauvet quyết định thành lập Dòng. Cùng với Marie - Anne de Tilly, người được coi như đồng sáng lập, ông tập hợp một số thiếu nữ, đào tạo họ thành những giáo viên trẻ. Thời gian này dòng mang tên là *Cộng đoàn các nữ giáo sinh Levesville*.

Năm 1708, Louis Chauvet gửi gắm các nữ tu cho Giám mục thành Chartres, người đã tạo dựng cơ sở và đặt tên cho Dòng là Dòng Thánh Phaolô, coi Thánh Phaolô là bổn mạng của Dòng. Những lời tâm phúc tràn đầy tình yêu với Chúa Kitô và lòng nhiệt tình hiến thân cho anh em đồng loại của Thánh Phaolô được lấy làm cơ sở đời sống tâm linh của Dòng. Nhà dòng nằm tại làng Bourg - Neuf, giáo xứ Saint Maurice, ngoại ô thành Chartres.

^{*}. ThS, Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

Từ năm 1708 đến năm 1792 Dòng mang tên *Cộng đoàn các nữ tu Thánh Phaolô và Thánh Maurice*.

Ngay từ đầu, ơn gọi của các nữ tu tương lai Dòng Thánh Phaolô đã được xác định rõ ràng: họ sẽ là những nữ giáo sinh và nữ tu chăm sóc bệnh nhân.

Năm 1727, họ nhận thêm ơn gọi thừa sai. Khởi đầu trên bước đường thực hiện nhiệm vụ này, Cộng đoàn cử bốn nữ tu tới vùng Cayenne (Nam Mỹ) vào ngày 12 tháng 9 theo lời mời của Bá tước Maurepas, nhận nhiệm vụ chăm sóc bệnh nhân trong các bệnh viện và dạy dỗ trẻ em.

Năm 1727 và 1769, các Bề trên đã gắng công để có được Tông thư công nhận của Tòa Thánh nhưng chưa thực hiện được bởi một vài ý kiến chống đối nhằm vào tính chất chính trị trong hoạt động thừa sai của Dòng. Mặc dù vậy, số các cơ sở mới không ngừng tăng lên tại Pháp (38 cơ sở vào năm 1780) và cuộc hành trình đến các xứ truyền giáo vẫn được tiếp tục tiến hành: năm 1770 đến Bourbon (Đảo Reunion), năm 1775 đến Quốc đảo (Đảo Maurice).

Sau Cách mạng Pháp, từ ngày 17 tháng 9 năm 1792, các nữ tu bị phát tán, Nhà dòng bị giải thể.

Cùng với giải pháp tình thế đối với tôn giáo do Napoleon và Portalis (Bộ trưởng phụ trách Tôn giáo của Pháp thời đó) thi hành, chủ trương dùng Kitô giáo để phục hồi nền giáo dục và y tế quốc gia⁽¹⁾, năm 1803 Nhà dòng bắt đầu được khôi phục. Các nữ tu từ Cayenne gửi thư đến Bộ Pháp quốc Hải ngoại, đề nghị cho họ tham gia Tổ chức Thừa sai. Nhận thấy lợi ích chính trị mà kinh nghiệm thừa sai của Cộng đoàn có thể đem lại, Bộ này lập tức giao cho Thị trưởng Chartres lo trách

nhiệm tái lập Dòng. Mẹ Joseaume vốn trước là Bề trên của Nhà dòng được tái cử. Napoleon ra chỉ dụ cho phép phục hồi các cơ sở Dòng tại Pháp và thành lập các cơ sở truyền giáo mới tại Antilles: Martinique (1818), Guadeloup (1820). Ngày 23 tháng 7 năm 1811, Tuyên bố về sự tái thừa nhận tính hợp pháp của Dòng ra đời. Từ đó Cộng đoàn mang tên *Các nữ trợ tá Thánh Phaolô thành Chartres* hay còn gọi là *Nữ tu Thánh Maurice Thành Chartres*.

Theo đề nghị của các nữ tu, năm 1853, Giám mục Chartres cho phép thay lời hứa (*khó nghèo, trinh tiết, vâng phục*) bằng lời *khấn năm*.

Nghi lễ khấn trọn lần đầu tiên được thừa nhận khi Cộng đoàn được quyền thi hành theo Giáo luật năm 1917.

Mặc dù vậy, mãi đến ngày 17 tháng 6 năm 1931 Giáo hoàng Pie XI mới chính thức công nhận Dòng.

Là Dòng thừa sai gốc Pháp hoạt động theo mô hình một Bề trên Tổng quản từ 1917, nhưng cho tới tận 1963 thực chất nó vẫn nằm trong phạm vi giám sát của một vị Bề trên do Giám mục Chartres chỉ định.

Về *Lề luật* dòng, Linh mục sáng lập không để lại lời xác tín. Chúng được Bề trên tiên khởi là Linh mục M. Marechauld, tiến sĩ thần học soạn thảo vào những năm 1708 - 1716. Đó là cuốn *Các quy định chung cho những nữ trợ tá Dòng Thánh Phaolô thành Chartres*, sau này được bổ sung và hoàn thiện bằng cuốn *Đường hướng tổ chức để hoàn thành tốt các nhiệm vụ của Dòng*. Đây là cơ sở

1. Simon Delacroix. *Các Cộng đoàn Công giáo dưới chế độ Vương quyền và Tổng tài*. Luận văn tiến sĩ, 1934. Thư viện Trường Cao học thực hành Tôn giáo Sorbonne V; tr. 55.

hoạt động cho tất cả các cộng đoàn đến khi Giáo hoàng chính thức phê chuẩn ngày 13/6/1949. Sau Công đồng Vatican II các quy định này được thay thế bằng cuốn *Lề luật đời tu* do Giáo hội Rôma chính thức phê chuẩn ngày 3/4/1988.

Khởi đầu, khi chưa được chính thức công nhận như một Dòng Toà Thánh, các nữ tu Phaolô hoạt động dưới hình thức chia thành các cộng đoàn chuyên làm từ thiện như: Cộng đoàn Thánh Pons tại Saint Pons-Thommière năm 1733 và tại Saverne năm 1734, sau đó lập Cộng đoàn các nữ tu từ thiện Strasbourg. Tương tự như vậy, từ cuối thế kỷ XIX đến cuối thế kỷ XX, Dòng đã có cơ sở tại các nước sau: Bỉ (1881), Thụy Sĩ (1900), Anh (1903), Canada và Italia (1930), Trung Phi (1950), Madagascar (1955), Cameroun (1965), Mỹ (1963), Ailen (1972), Israel (1981), Colombie (1997). Bắt đầu từ 1960 các Tỉnh dòng bắt đầu cử người tới các nơi truyền giáo khác như từ Hồng Kông sang Đài Loan (1960) và Úc (1984), từ Philippin sang Indonesia (1967), từ Canada sang Brasil (1965), từ Antilles đến Haiti (1972), từ Thái Lan sang Lào, từ Triều Tiên sang Alaska và Mông Cổ. Năm 1981 ba cơ sở mới được thành lập tại Peru với thành viên là các nữ tu trở về từ nhiều Tỉnh dòng khác. Riêng ở Việt Nam sẽ trình bày ở phần tiếp theo.

Một vài con số sau đây cho thấy phạm vi hoạt động rộng lớn và thành công của Dòng: (Xem bảng 1)

Từ 1850 đến 1950 Nhà Mẹ tại Chartres đã gửi đến xứ thừa sai Antilles 791 nữ tu và sang Viễn Đông 941 người. Được sáng lập với mục đích giáo dục trẻ em, chăm sóc người bệnh, các nữ tu Phaolô, để hoàn thành sứ mạng của mình, luôn sẵn sàng đi đến bất cứ nơi đâu trên đất Pháp và các xứ thừa sai.⁽²⁾

II. THỜI KÌ Ở VIỆT NAM

Đến giữa thế kỷ XIX các nhà truyền giáo Pháp ngày càng can thiệp sâu hơn vào chính trị dẫn đến những cuộc bách hại đạo Kitô của triều đình nhà Nguyễn. Lấy cớ bảo vệ con chiên của Chúa, Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam năm 1858. Người Việt Nam yêu nước bắt đầu cuộc chiến chống giặc ngoại xâm. Chiến tranh, đói nghèo, bệnh tật đẩy dân chúng vào cảnh màn trời chiếu đất.

Vào năm 1860, Giám mục Lefevre gửi thư tới Benjamin - Mẹ Bê trên cơ sở Chúa Hải Đồng tại Hồng Kông, mời một số nữ tu Phaolô đến Nam Kỳ. Ngày 20/5/1860, hai nữ tu đầu tiên là Marie de la Nativite và Saint- Lizier đã cập bến Sài Gòn.

Năm 1873, con số thương vong trong các bệnh viện Bắc Kỳ ngày càng nhiều, rất cần có sự hiện diện của các nữ tu Pháp. Tổng Courbet gửi thư mời các nữ tu và ngay trong năm đó họ đã tới Bắc Kỳ.

Trung Kỳ trong những năm 1898 là bức tranh toàn cảnh của đói nghèo và bệnh tật do chiến tranh và thiên tai gây nên. Các nhà trẻ không còn chỗ cho trẻ mồ côi. Các cơ sở tôn giáo đòi hỏi phải được mở rộng. Giám mục Caspar đón các nữ tu Phaolô đến Huế để cùng thực hiện nhiệm vụ này.

Con số các nữ tu Phaolô thành Chartres ở Đông Dương đông hơn bất cứ xứ thuộc địa nào khác. Chính ở nơi này họ đã hoạt động không mệt mỏi cho sứ mạng của mình trên một phạm vi rất rộng và đã rất thành công.

2. Jeann Helene. *Tư liệu lưu trữ tại Nhà Mẹ, Dòng Thánh Phaolô thành Chartres*, II, B2.

Bảng 1

NĂM	SỐ NỮ TU	SỐ CƠ SỞ
1780	136	52
1807	127	20
1834		63
1848	475	
1875	1.119	
1890	1.310	
1900	1.565 (+ 90 tại các nước Châu Á)	240 (tại Pháp)
1920	1.518	196
1950	2.886	235
1994	3.800	530

Xem xét quá trình hoạt động của Dòng các nữ tu Thánh Phaolô thành Chartres tại các nước thuộc địa cho đến năm 1954, cho thấy, dù thực thi mệnh lệnh thừa sai trên phương diện tôn giáo, quân sự hay dân sự họ vẫn luôn gắn bó một cách chặt chẽ nhất với lịch sử thuộc địa và chính sách bảo hộ của chính quyền thực dân Pháp⁽³⁾.

1 . Cơ cấu hành chính và tài chính của Dòng tại Việt Nam

Năm 1848, theo đề nghị của Forcade - Giám mục Hồng Kông, các nữ tu Phaolô lần đầu có mặt ở Viễn Đông và từ 1860 bắt đầu phát triển cơ sở của mình tại Việt Nam.

Về cơ cấu hành chính, Viễn Đông được chia thành bốn Tỉnh dòng. Cơ cấu hành chính của chúng được tổ chức như sau:

1. Một Bề trên Tổng quyền tại Chartres - Pháp
2. Một Bề trên Chính cai quản chung bốn tỉnh dòng vùng Viễn Đông, trụ sở tại Sài Gòn (bắt đầu từ năm 1861).

3. Mỗi tỉnh dòng được cai quản bởi một Bề trên Tỉnh dòng.

4. Mỗi Nhà dòng Cơ sở có một Bề trên phụ trách Nhà dòng.

Tỉnh dòng Bắc Kỳ bao gồm toàn bộ các cơ sở Dòng tại Bắc và Trung Kỳ do một Bề trên tại Hà Nội cai quản.

Nam Kỳ bắt đầu có Bề trên Tỉnh dòng Nam Kỳ vào năm 1861. Đó cũng chính là Bề trên Chính cai quản cả bốn Tỉnh dòng Viễn Đông.

Các Bề trên Tỉnh dòng thông báo mọi thay đổi về nhân sự và lí do thay đổi tới Bề trên Chính ở Sài Gòn.

Các nữ tu bắt đầu nhận nhiệm vụ thừa sai tới Viễn Đông luôn đi thẳng từ Chartres tới Sài Gòn trình diện Bề trên Chính, trừ trường hợp Bề trên Tổng quản đã có lệnh riêng quy định nơi đến và nhiệm vụ cho nữ tu đó.

3. R. Gobollot. *Nữ tu Thánh Phaolô thành Chartres*. Nxb. B.Grassetb 1938, tr. 147.

Về tài chính, các Tỉnh dòng xem xét mọi khoản chi thu của Bề trên cơ sở thuộc Tỉnh dòng mình quản lí. Kinh tế của từng Nhà dòng sẽ được gửi về Nhà Mẹ qua Bề trên Chính.

Báo cáo về lịch trình thăm viếng thuộc Tỉnh dòng nào sẽ do Bề trên Tỉnh dòng đó chuẩn bị.

Kinh phí được xem xét và cấp thẳng từ Chartres theo từng năm.

Tuy nhiên, xem xét cơ cấu hành chính và tài chính của Dòng Phaolô trong giai đoạn này không thể quên rằng, cũng như các dòng tu khác trong thời kì thuộc địa, họ hoạt động phần nào thụ động, dựa phần lớn vào quyền lực và tổ chức của các Thừa sai Pháp. Một phần kinh phí còn được Chính phủ bảo hộ cấp để trợ giúp cho những hoạt động giáo dục và y tế.

Theo báo cáo của chuyên viên phụ trách chính trị và tôn giáo Bộ Thuộc địa Pháp thì "các thầy giảng, tu sĩ nam, nữ Châu Âu cũng như bản xứ luôn hoạt động theo lệnh của các Thừa sai. Nói cách khác, dù mang danh nghĩa gì thì họ cũng chỉ là trợ lực của các Thừa sai"⁽⁴⁾, "dù vẫn giữ một phần quyền độc lập của Nhà Mẹ nhưng họ được sắp xếp và giúp đỡ bởi các Thừa sai nên phải phụ thuộc vào các Thừa sai tại đây cũng như phụ thuộc vào Giám mục và Cha xứ ở Pháp vậy"⁽⁵⁾.

Nữ tu dòng bản địa thì "được giáo dục, đào tạo hoàn toàn bởi các Thừa sai, thuộc quyền của các Thừa sai một cách đặc biệt. Các vị Thừa sai tiếp nhận họ vào làm việc tại trường học, bệnh viện, dưỡng đường, trại trẻ mồ côi thuộc quyền họ quản lí"⁽⁶⁾.

Như vậy, dù mô hình hành chính và tài chính được xây dựng dưới hình thức độc lập, nhưng trên thực tế các nữ tu

Phaolô hoạt động khá phụ thuộc vào các Thừa sai Pháp. Điều này càng bộc lộ rõ hơn khi chính sách tách biệt tôn giáo ra khỏi thể chế Nhà nước được thi hành tại chính quốc và một vài xứ thuộc địa đầu thế kỉ XX. Phần lớn kinh phí của Nhà nước bảo hộ dành cho hoạt động giáo dục và y tế của các dòng tu, đã bị cắt giảm đồng thời với việc thi hành chính sách này.

2. Cơ sở từ thiện mang tên Chúa Hải Đông và các hoạt động giáo dục, y tế khác

Một hoạt động quan trọng của Dòng tu nữ này là nuôi dạy trẻ mồ côi. Năm 1843, Giám mục Nancy là Forbin Janson thành lập tổ chức từ thiện mang tên Chúa Hải Đông. Pauline Jaricot, một phụ nữ Pháp ở Lyon, đã lấy kinh nghiệm nuôi dạy trẻ mồ côi Pháp để áp dụng cho những trẻ em Đông Dương bị bỏ rơi từ thửa lọt lòng.

Tháng 7 năm 1861, Mẹ Benjamin cùng 5 nữ tu khác đến Hồng Kông. Tháng 10 cùng năm, một đoàn nữ tu 11 người từ Chartres đến Hồng Kông mang theo thư của Bề trên Tổng quản phong cho Mẹ Benjamin chức Bề trên Tỉnh dòng, điều đến Sài Gòn để coi sóc đức tin và hoạt động của Dòng nữ tu Thánh Phaolô thành Chartres ở thuộc địa. Quá trình Pháp hoá thuộc địa đang bắt đầu. Cùng thời kì này, tướng Bonnard được bổ nhiệm ở Nam Kỳ. Ông ta "nhìn thấy ở các nữ tu một ích lợi lớn đối

4. Báo cáo của chuyên viên tôn giáo và chính trị Bộ thuộc địa Pháp tại Đông Dương. Trung tâm lưu trữ Bộ Pháp quốc Hải ngoại Aix-en-Provence. Hồ sơ số 1475. Không đánh trang.

5. Báo cáo của chuyên viên tôn giáo và chính trị Bộ thuộc địa Pháp tại Đông Dương. Tài liệu đã dẫn.

6. Báo cáo của chuyên viên tôn giáo và chính trị Bộ thuộc địa Pháp tại Đông Dương. Tài liệu đã dẫn.

với các bệnh viện của chính phủ cũng như đối với các cơ sở từ thiện... như trại mồ côi và cơ sở Chúa Hải Đồng". Trên phần đất được các tướng Bonnard và Charnet biếu không, Mẹ Benjamin cho xây cơ sở dục anh đầu tiên năm 1861⁽⁷⁾. Tiếp theo, nhà từ thiện của tổ chức Chúa Hải Đồng được các nữ tu Phaolô thành lập ở rất nhiều tỉnh khác của Nam Kỳ như Mỹ Tho (1864), Chợ Lớn (1870), Vĩnh Long (1871), Biên Hoà (1876)... Tên gọi "Chúa Hải Đồng Sài Gòn" tập hợp tất cả các tổ chức hoạt động từ thiện của các nữ tu Phaolô thành Chartres, gồm các trại trẻ mồ côi dành cho trẻ nam và nữ với nhiều mô hình khác nhau như nhà trẻ, trường học, xưởng thủ công, hai đường dành cho trẻ em người Âu và trẻ lai, nhà tập, trạm phục hồi nhân phẩm, v.v... Muộn hơn, các nữ tu bắt đầu hoạt động trong các cơ sở Chúa Hải Đồng của các Thừa sai M.E.P tại Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Quy chế của tổ chức này chỉ cho phép tiếp nhận trẻ em ngoại đạo với mục đích rửa tội và giáo dục chúng theo nền giáo dục Công giáo. Năm 1885, Chính phủ Pháp đã tài trợ cho hoạt động này tại Nam Kỳ số tiền 50.000 francs⁽⁸⁾. Trong tất cả các cơ sở từ thiện này, nữ tu chịu trách nhiệm nuôi nấng, chăm sóc, dạy dỗ trẻ em theo tư tưởng Công giáo, sau đó tìm cho chúng một công việc thích hợp với cuộc sống bên ngoài. Năm 1891, Giám mục Colombar đã gửi về Paris những nhận xét sau: "Số trẻ em bản xứ được rửa tội đã tăng 450 so với năm ngoái. Tổ chức Chúa Hải Đồng tỏ ra hiệu quả nhất trong việc truyền giáo"⁽⁹⁾. Tại địa phận Nam Kỳ Bắc "Cơ sở Chúa Hải Đồng đã đem lại những kết quả rất khả quan và thậm chí có thể nói là ngoài sức tưởng tượng. 7.223 trẻ được rửa tội, 2.000 trẻ khác được nuôi nấng, chăm sóc hoặc gửi gắm cho

những gia đình Công giáo, 322 trẻ nhỏ được đưa vào các trại mồ côi"⁽¹⁰⁾.

Ngoài cơ sở Chúa Hải Đồng, các nữ tu Phaolô còn hiện diện ở các trại tâm thần, trại trẻ mồ côi dành cho trẻ bản xứ và trẻ người Hoa lai Pháp, trại cùi (Đảo Rồng, Thái Bình, Huế), trại phục hồi nhân phẩm dành cho phụ nữ Annam làm nghề mại dâm với mục đích chữa chạy, cải hoá họ, các xưởng thủ công dạy nam nữ thanh niên các nghề phụ như thêu, ren, mộc, v.v... trên khắp ba miền Trung, Nam, Bắc.

Trong lĩnh vực giáo dục, nữ tu Dòng thánh Phaolô thành Chartres phối hợp rất thành công với tu sĩ Dòng La Salle (Dòng Sư huynh các trường Công giáo), mang lại nhiều kết quả khả quan. Họ có các trường học khắp các tỉnh Nam Kỳ. Tại Bắc Kỳ và Trung Kỳ, họ phối hợp giảng dạy trong một số trường học do các Thừa sai thành lập. Trường Jeanne d' Arc nổi tiếng tại Việt Nam do chính các nữ tu Phaolô lập ra ở Huế năm 1903, chiêu sinh được khoảng 500 học sinh mỗi năm⁽¹¹⁾.

Hai trường khác là Trường Thánh Marie (Hà Nội) và Thánh Dominique (Hải Phòng) cũng rất phát triển.

Khía cạnh đặc biệt quan trọng trong lĩnh vực giáo dục trường dòng chính là việc giảng dạy tiếng Pháp.

Cho đến nay vấn đề vai trò của các dòng tu trong việc truyền bá tiếng Pháp ở

7. R.Gobillot. Sđd, tr. 159.

8. Marie Paul Bord. *Mẹ Cardine*. Trung tâm lưu trữ Dòng nữ tu Phaolô thành Chartres, tr. 28.

9. *Báo cáo thường niên. Địa phận Nam Kỳ Tây năm 1891*. Trung tâm lưu trữ M.E.P- Paris, tr. 162.

10. *Báo cáo thường niên. Địa phận Nam Kỳ Bắc năm 1891*. Trung tâm lưu trữ M.E.P - Paris, tr. 171.

11. Phan Phát Huân. *Việt Nam giáo sử*. Nxb. Cứu thế 1961. Thống kê năm 1958, tr. 447.

các nước thuộc địa vẫn còn là đề tài khoa học gây nhiều tranh cãi. Khi thực hiện các hoạt động giáo dục của mình, các dòng tu đã đặt mục đích truyền đạo cao hơn hay Pháp hoá nền văn hóa bản xứ thông qua tiếng Pháp?⁽¹²⁾.

Năm 1903, Anatole - Beaulieu đã đề cập đến tầm quan trọng của ngôn ngữ trong quá trình Giáo hội Công giáo Pháp thực thi nhiệm vụ "Pháp hoá" những lãnh thổ ngoài nước Pháp: "Và đây, các tu sĩ, lại một lần nữa, đã trở thành những người truyền bá ngôn ngữ. Những kết quả thống kê đã cho chúng ta thấy điều đó"⁽¹³⁾.

Về vấn đề này, bối cảnh xã hội ở Đông Dương cuối thế kỉ XIX, nửa đầu thế kỉ XX với sự thống trị của người Pháp và vị thế của Công giáo được nâng cao đã tạo cho các dòng tu gốc Pháp những điều kiện thuận lợi nhất. Nhưng trên thực tế, việc dạy tiếng Pháp của các dòng tu không chỉ đơn thuần theo một hướng duy nhất trong suốt thời kì lịch sử này. Mục đích của Chính quyền bảo hộ dùng tiếng Pháp để "minh chứng cho tính ưu việt của nền văn minh Pháp trước con mắt của người Annam và truyền cho họ mong muốn sáp lại gần chúng ta hơn nữa"⁽¹⁴⁾ không phải bao giờ cũng được các dòng tu tuân theo. Có thể nhận thấy điều này thông qua quyết định của Hội đồng thuộc địa Pháp: "Hội đồng thuộc địa đã đưa ra thảo luận tại cuộc họp thường kì ngày 14/10/1902 vấn đề cắt khoản kinh phí thường cấp cho các nữ tu Thánh Phaolô thành Chartres, các tu sĩ Dòng Sư huynh các trường Công giáo và các giáo sĩ M.E.P để họ thực hiện việc dạy tiếng Pháp cho người bản xứ. Khoản kinh phí này đã được dùng hoàn toàn sai mục đích. Giám đốc và Thanh tra ngành giáo dục khi thực hiện kiểm tra

hàng loạt các cơ sở giáo dục của các dòng tu mới thấy rằng học sinh ở đó không hề học tiếng Pháp. Người ta dạy chúng giáo lí và chữ quốc ngữ"⁽¹⁵⁾.

Việc cắt giảm kinh phí cấp cho giáo dục của các trường dòng thực ra là một hành động phù hợp với chính sách tách tôn giáo ra khỏi thể chế Nhà nước, được thi hành quyết liệt tại Pháp và vài xứ thuộc địa khác vào thời điểm đó. Mục tiêu "Pháp hoá" người bản xứ đã được các dòng tu thực hiện theo cách của mình. Trước tiên biến người bản xứ thành con chiên của Chúa và khi đó đồng nghĩa với việc họ đã trở thành người Pháp. Chữ Quốc ngữ tỏ ra có hiệu quả hơn đối với vấn đề giảng dạy giáo lí cho người bản xứ⁽¹⁶⁾. Là một dòng nữ tu gốc Pháp chuyên về giáo dục và bệnh viện, các nữ tu Phaolô đã có được những kết quả đáng kể trong lĩnh vực này.

Để giải quyết vấn đề trở lại, năm 1939, Toàn quyền Đông Dương Jules Brévie thành lập một tổ chức quyền góp nhằm mục đích hỗ trợ cho Hiệp hội Bảo trợ trẻ lai Âu tại Đông Dương. Số tiền khởi điểm là 500.000 francs đã được góp vào quỹ để giải quyết một vấn đề "mang tính nhân đạo và từ thiện, một vấn đề của toàn xã

12. Patrick Cabanel. *Hai ơn gọi: Công giáo hay công dân? Pháp - Levant và Đạo Hồi UMRETELEM*. Tuyển tập các bài của Hội thảo khoa học: *Tôn giáo và quốc tịch* - do Gabriel Audisio chủ biên, các tham luận của ĐHTH Provence, 1996.

13. Patrick Cabanel: Sđd.

14. Trung tâm lưu trữ Hải ngoại - Hồ sơ số 7720 (Phòng Thống đốc).

15. Trung tâm lưu trữ Aix - en - Provence: Hồ sơ 7720.

16. Xem nội dung Thư của Giám mục Roginier gửi Bộ Hải ngoại và thuộc địa: 6/5/1887.

Trung tâm lưu trữ Aix - en - Provence. Hồ sơ A00 (30) hoặc đánh số 541.

hội, hợp lí và nặng tính chính trị”⁽¹⁷⁾. Nhiều cơ sở của dòng Phaolô tại Việt Nam đã được nhận tài trợ của tổ chức này do họ quản lí chăm sóc một số lượng lớn trẻ em ở các tỉnh như Hà Nội, Yên Bái, Bắc Ninh, Hải Phòng, Nam Định, Sơn Tây... Năm 1940, Dòng Phaolô đã nhận được khoản tiền trợ cấp hoạt động là 6.767 francs. Dòng nữ tu Thánh Phaolô thành Chartre cũng đã góp phần rất quan trọng trong việc giải quyết vấn đề trẻ em lai Pháp.

Về Y tế. Từ những ngày đầu tiên có mặt tại Nam Kỳ cho đến năm 1905, dòng Phaolô thành Chartres hoạt động rất tích cực trong các bệnh viện quân đội và dân sự trên khắp ba miền Bắc, Trung, Nam. Hình ảnh chiếc lúp trắng đặc trưng của các nữ tu Phaolô đã đem đến cho những bệnh nhân mà họ chăm sóc tình cảm và sự kính trọng sâu sắc.

Một vài con số thống kê về các nữ tu trong năm 1902 phục vụ tại các bệnh viện Bắc Kỳ⁽¹⁸⁾ như sau:

CƠ SỞ	SỐ LƯỢNG
Bệnh viện nhà binh Hà Nội	16 (Pháp)
Bệnh viện nhà binh Quảng Yên	16 (Pháp)
Bệnh viện nhà binh Hải Phòng	6 (Pháp)
Trạm cứu thương nhà binh Lạng Sơn	4 (Pháp)
Trạm cứu thương Phủ Láng Thượng	4 (Pháp)
Trạm cứu thương nhà binh Tuyên Quang	4 (Pháp)
Trạm cứu thương nhà binh Yên Bái	4 (Pháp)
Bệnh viện bản xứ tại Hà Nội	2 (Pháp) 2 (Việt)
Bệnh viện bản xứ Sơn Tây	2 (Pháp) 1 (Việt)

Kết quả hoạt động của dòng Phaolô được thống kê năm 1937⁽¹⁹⁾:

Tại Nam Kỳ: 80.000 bệnh nhân được chữa trị, 1.490.826 lượt tư vấn bệnh, các

trường học đón 3.718 học sinh. Số nữ tu là 376 người trong đó 170 nữ tu Pháp và 197 nữ tu người Việt.

Tại Bắc Kỳ: Các trường học đón 2.241 học sinh, 9.878 bệnh nhân, 304.486 lượt tư vấn sức khỏe, 6.500 người được rửa tội. Số nữ tu là 180 người trong đó 70 người Pháp và 110 người Việt.

Tại Trung Kỳ: Các trường đón 637 học sinh, 2.376 bệnh nhân được chữa trị, 33.291 lượt tư vấn sức khỏe, 352 người được rửa tội. Số các nữ tu Pháp là 18.

Luật tách các hoạt động y tế của tôn giáo ra khỏi nền y tế Nhà nước bắt đầu tháng 12 năm 1904. Nữ tu Phaolô rời khỏi các bệnh viện dân sự và bệnh viện quân đội Pháp để tiếp tục hoạt động y tế trong các cơ sở chữa bệnh của các Thừa sai. Kể từ thời điểm này, họ ngày một phụ thuộc nhiều hơn vào các Thừa sai.

3. Thành lập nhà tập dành cho các thiếu nữ người Việt

Khi trực tiếp làm từ thiện hoặc dạy học, chăm sóc bệnh nhân, các nữ tu Phaolô luôn phải giao tiếp với dân bản xứ. Do đó nhu cầu biết tiếng Việt luôn đặt ra trước các nữ tu Pháp. Song, do công việc chiếm quá nhiều thời gian không cho phép các nữ tu Pháp nhanh chóng học một ngôn ngữ khó như tiếng Việt. Đồng thời, nhận thức rõ lợi ích mà các nữ tu bản xứ

17. Trung tâm lưu trữ quốc gia I - Hà Nội. Phòng Thống chế Bắc Kỳ. Quỹ Brevie, nguồn gốc, mục đích và các hình thức hoạt động của nó. Nhà in Thống nhất. Sài Gòn 1942, tr. 4.

18. Trung tâm lưu trữ Bộ Pháp quốc Hải ngoại Aix-en-Provence. GGI. Phòng Thống đốc. Phần các tín ngưỡng. Thiên Chúa giáo. Hồ sơ số 15793. Không đánh số trang.

19. Chanoine Jean Vaudon. *Các nữ tu Phaolô ở Đông Dương*. Chartres 1931, tr. 351.

có thể đem lại cho mục đích phát triển tín đồ, Mẹ Benjamin nghĩ đến việc thành lập Nhà tập dành cho nữ thanh niên người Việt. Việc này không dễ thực hiện khi chưa được phép của Bề trên Tổng quyền. Là người nắm bắt nhanh nhạy nhu cầu thực tế, Benjamin gạt bỏ mọi điều tiếng dị nghị về một âm mưu thành lập Dòng riêng tại thuộc địa để giải thích, thuyết phục Giám mục Chartres: "Chúng con tin tưởng rằng các nữ tu người Việt sẽ là trợ thủ đắc lực cho chúng con trong việc chăm sóc bệnh nhân, dạy học cho cả dân đạo cũng như dân lương, và bằng cách đó chúng con có thể thu hút được rất nhiều tín đồ. Với mô hình một nữ tu Pháp và hai nữ tu người Việt chúng con có thể làm được những điều kỳ diệu trong việc cứu vớt các linh hồn. Con không hề e ngại khi thông báo với Đấng Bề trên rằng, họ còn rửa tội được nhiều hơn các vị Thừa sai nữa"⁽²⁰⁾. Điều này đúng với thực tế diễn ra ở Việt Nam sau đó. Mặc dù trong các báo cáo gửi về Paris, các Thừa sai M.E.P luôn không thật rõ ràng khi nói về con số tín đồ được các nữ tu rửa tội, nhưng chính họ cũng phải công nhận rằng các Dòng nữ tu, trong đó có các nữ tu Phaolô Pháp và Việt đã thực sự thành công trên bước đường truyền giáo⁽²¹⁾.

Nhà tập dành cho nữ thanh niên người Việt đã được Bề trên Benjamin lập tại Sài Gòn vào tháng 10/ 1862.

Với tầm nhìn chiến lược trong cục diện phát triển nền văn hoá Công giáo tại thuộc địa, Giám mục Sài Gòn lúc đó là Jean Claude Miche đã gửi thư cho Giám mục Chartres - Bề trên Tổng quản của Dòng Phaolô, đề nghị thông qua một cách chính thức vấn đề lập Nhà tập cho người bản xứ. Phải nói thêm rằng, trong thời kỳ

đó, tầm quan trọng của việc mở rộng thuộc địa cho nước Pháp cũng như chính sách Pháp hoá thuộc địa bằng Công giáo được giới chức Công giáo Pháp đặc biệt quan tâm. Bởi vậy, trong Hội nghị thường kỳ của toàn Dòng ngày 30/7/1866, việc thành lập Nhà tập dành cho người bản xứ đã được thông qua. Thực chất, Nhà tập Sài Gòn đã hoạt động được 4 năm và các nữ tu người Việt đang dần tiến bộ dưới sự hướng dẫn của các nữ tu Pháp.

Về ơn gọi. Trong khoảng thời gian đầu phần lớn các nữ tu người Việt vốn là những trẻ mồ côi đã từng lớn lên trong vòng tay các nữ tu Pháp. Một số nữa là con của các vị tử đạo. Lòng nhiệt tình hiến dâng cho Đức tin của họ trong một chừng mực nào đó đã ảnh hưởng tới cả các gia đình bên lương⁽²²⁾.

Việc tuyển chọn các nữ dự tu cũng rất khắt khe. Họ phải trải qua các kỳ thi loại, gồm cả môn tiếng Pháp. Theo quy định của Dòng, các nữ tu người Việt không bao giờ được phép ở một mình trong trường học, bệnh viện, trại mồ côi, v.v... Đi kèm với họ luôn có một nữ tu người Pháp, vừa là Bề trên, vừa là người hướng dẫn họ thực hiện nhiệm vụ của mình.

Nữ tu người Việt cũng mặc tu phục giống như các nữ tu người Pháp: lúp trắng, hai cánh xoè rộng ngược dần ra sau gáy, hình dáng như chiếc mũ của các thiếu nữ nông thôn miền Nam Pháp thường mang vào thế kỷ XVII - XVIII; một chiếc yếm trắng đồng thời là cổ áo trùm qua hai bả vai đến ngang ngực; áo choàng màu

20. Marie Paul Bord. *Mẹ Benjamin*. Trung tâm lưu trữ Dòng Thánh Phaolô thành Chartres, tr. 71.

21. *Báo cáo thường niên. Địa phận Trung Đàng Ngoài 1891*. Trung tâm lưu trữ M.E.P - Paris, tr. 171.

22. R.Gobillot. Sđd, tr. 162-174.

sẫm. Chi tiết khác biệt giữa họ là một chiếc phù hiệu nhỏ nơi cổ áo các nữ tu bản xứ thay cho chuỗi tràng hạt kéo dài đến tận thắt lưng mà các nữ tu Pháp thường đeo. Các nữ đệ tu mặc áo choàng trắng, khăn đội đầu nhẹ màu trắng.

Sau một thời gian khoảng chừng 2 hay 3 năm, các nữ đệ tu được chuyển tới sinh hoạt trong một cộng đoàn để tiếp tục đào tạo nâng cao. Chỉ sau thời gian 10 năm các nữ tu này mới được chịu ơn *Khấn trọn*.

Năm 1937 số Nhà tập tại Nam Kỳ là 53. Bắc Kỳ có Nhà tập đầu tiên năm 1898 và đến năm 1937 đã có tới 83 nhà⁽²³⁾.

Một khía cạnh quan trọng cần nhấn mạnh trong hoạt động tuyển chọn nữ tu bản xứ Dòng Phaolô là họ đã góp phần tích cực đào tạo, xây dựng một dòng nữ tu bản địa khác là Dòng Mến Thánh Giá Việt Nam.

Quá trình hoạt động thành công của các nữ tu Phaolô thành Chartres tại Việt Nam thuộc địa gắn liền với hình ảnh của các vị bề trên Tỉnh dòng đầy nhiệt huyết như Benjamin, Candine (Nam Kỳ), Marie de la Conception (Bắc Kỳ).

III. KẾT LUẬN

Trung thành với nhiệm vụ truyền giáo của Giáo hội Rôma, phụ thuộc vào các Thừa sai Pháp, bị kiểm soát bởi Chính phủ bảo hộ, hoạt động của các dòng nữ tu Công giáo Pháp cũng như Việt thời kì này diễn ra theo hai hướng. Xét về nguồn gốc, đa phần các nữ tu mang quốc tịch Pháp. Các nữ tu bản xứ lớn lên trong môi trường Công giáo, chịu sự giáo dục Công giáo mang tính chất Pháp. Trong giai đoạn lịch sử Công giáo thời thuộc địa (1858 - 1954), qua hoạt động giáo dục và truyền giáo của mình, các nữ tu Pháp đã truyền cho một bộ phận dân bản xứ những hiểu biết cơ bản về nền văn hoá Công giáo. Mặt khác, trong khi ít nhiều góp phần thực hiện chính sách Pháp hoá thuộc địa, các dòng nữ tu vẫn thực hiện thành công nhiệm vụ truyền giáo của mình, trong đó có sự góp phần đặc biệt của các nữ tu Thánh Phaolô thành Chartres./.

23. R.Gobillot. Sđd, tr. 154.